ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2176 /QĐ-ĐHQGHN	*Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Nhật Bản học (mã số: 9310613).

Điều 2. Giao cho Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Nhật Bản học theo đúng Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được đánh giá chất lượng; sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được kiểm định theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, Y5.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Hải

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC
MÃ SỐ : 9310613

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2176/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc Gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên ngành đào tạo:**

  + Tiếng Việt: Nhật Bản học

  + Tiếng Anh: Japanese Studies

- **Mã số ngành đào tạo:** 9310613

- **Trình độ đào tạo:** Tiến sĩ

- **Ngôn ngữ đào tạo**: Tiếng Việt

- **Thời gian đào tạo**: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- **Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

  + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Nhật Bản học

  + Tiếng Anh: The Doctor of Philosophy in Japanese Studies

- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ chuyên gia về Nhật Bản học, có khả năng làm việc tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu, các đơn vị sự nghiệp của trung ương và địa phương, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp có liên quan đến Nhật Bản. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có tư duy và phương pháp tiếp cận liên ngành, có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, khả năng quản trị các chương trình, dự án liên quan đến Nhật Bản; có tư duy phản biện, khả năng sáng tạo tri thức mới; có năng lực thiết kế, tham mưu, tư vấn và tổ chức các hoạt động hợp tác với Nhật Bản.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao về Nhật Bản có:

- Kiến thức chuyên môn chuyên sâu, tiên tiến với tư duy liên ngành, có khả năng trong việc phân tích, đánh giá, đưa ra giải pháp phù hợp để thực hiện các vấn đề nghiên cứu, điều hành, quản lý, hoạch định, tư vấn chính sách có liên quan đến Nhật Bản;

- Khả năng vận dụng sáng tạo, hiệu quả các kiến thức, lý thuyết liên ngành, chuyên ngành để phát hiện và giải quyết những vấn đề có liên quan đến Nhật Bản;

- Khả năng kết nối các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai các dự án, chương trình nghiên cứu có liên quan đến Nhật Bản, thúc đẩy mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam-Nhật Bản;

- Tuân thủ pháp luật, quy định; cống hiến cho cộng đồng; làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo qui định của ĐHQGHN.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo: tiếng Nhật tương đương trình độ bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); hoặc tiếng Anh tương đương trình độ bậc 4/6 và tiếng Nhật tương đương trình độ bậc 3/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Năng lực ngoại ngữ cần được minh chứng bằng một trong những loại văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Nhật, sư phạm tiếng Nhật hoặc ngôn ngữ anh, sư phạm tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nhật tương đương trình độ bậc 4, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh tương đương trình độ bậc 4 và chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nhật tương đương trình độ bậc 3, trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận;

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ (tiếng Nhật hoặc tiếng Anh) theo quy định của chương trình đào tạo, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo

3.3. Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp

- Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Nhật Bản học;

- Đối với các trường hợp ngành/chuyên ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Nhật Bản học; xác định các học phần cần bổ sung trước khi dự tuyển, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 3-5 NCS/ 1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, chuyên sâu mang tính lí luận và thực tiễn, có những đóng góp mới đối với khoa học và thực tiễn, phù hợp với ngành Nhật Bản học.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác, bảo đảm liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của tập thể trong đó tác giả có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể cho phép tác giả sử dụng kết quả chung để viết luận án.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố

- Công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả).

- Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có

phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

+ Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1. Phân tích các vấn đề theo thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử;

PLO 2. Vận dụng sáng tạo các phương pháp luận chuyên ngành, cách tiếp cận liên ngành, hệ thống lý thuyết trong nghiên cứu Nhật Bản học vào các hoạt động khoa học.

PLO 3. Sáng tạo, phát triển các lí thuyết và tri thức mới liên quan đến ngành Nhật Bản học.

4. Chuẩn đầu ra về năng lực nghiên cứu và kĩ năng bổ trợ

4.1. Năng lực nghiên cứu

PLO 4. Phát hiện vấn đề nghiên cứu mới xuất phát từ thực tiễn và lí luận; khám phá, cập nhật và phát triển các lý thuyết nghiên cứu; đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy về Nhật Bản;

PLO 5. Viết và công bố các công trình khoa học đạt chuẩn quốc tế;

PLO 6. Tổng hợp kiến thức, truyền đạt kiến thức thông qua hình thức giảng dạy, biên soạn giáo trình, xây dựng vận hành các chương trình đào tạo bậc đại học, sau đại học, phổ biến kiến thức và kết quả nghiên cứu Nhật Bản trong xã hội;

PLO 7. Thẩm định, tham mưu, đề xuất cho các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và địa phương;

PLO 8. Tổ chức các chương trình, dự án nghiên cứu trong nước và quốc tế (như đề tài nghiên cứu khoa học; viết sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, bài báo đăng trên tạp chí; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế…);

PLO9. Phát triển học thuật trong nước và quốc tế; dẫn dắt, tổ chức các hoạt động giao lưu học thuật, phát huy kết quả nghiên cứu.

4.2. Kĩ năng bổ trợ

PLO 10. Có năng lực tiếng Nhật tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam, hoặc có năng lực tiếng Anh tương đương bậc 4/6 và năng lực tiếng Nhật tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam trong công tác chuyên môn, nghiên cứu, trình bày và

trao đổi học thuật liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành (người học sử dụng tiếng Anh để dự tuyển cần chủ động tự nâng cao năng lực tiếng Nhật để đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo).

PLO 11. Thiết kế xây dựng, quản lý và triển khai một cách độc lập và sáng tạo các hoạt động nghiên cứu lí thuyết và ứng dụng liên quan đến Nhật Bản; khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn;

PLO 12. Tổ chức thời gian và quản lý công việc một cách khoa học, kết hợp công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp;

PLO 13. Tổ chức, quản lý nghiên cứu, có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới, quá trình mới.

5. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 14. Nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới;

PLO 15. Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau;

PLO 16. Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác;

PLO 17. Đưa ra phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia;

PLO 18. Tuân thủ pháp luật, trung thành với Tổ quốc, tuân thủ quy định của tổ chức, cơ quan, cống hiến cho cộng đồng;

PLO 19. Làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, đáng tin cậy, trung thực, thẳng thắn, tôn trọng người khác;

PLO 20. Tôn trọng, tiếp thu thành tựu nghiên cứu khoa học của người khác, có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ;

6. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Làm nghiên cứu viên, chuyên gia tại các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu;

- Làm giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học và cao đẳng;

- Làm chuyên gia hoạch định chính sách hoặc làm việc tại Bộ Ngoại giao hoặc tại các Vụ/Cục hợp tác quốc tế của các bộ (như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ...) hoặc các đơn vị liên quan đến công tác ngoại vụ tại các tổ chức đoàn thể, từ trung ương đến địa phương;

- Làm việc tại các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận, các trung tâm, dự án phát triển;

- Làm việc tại các cơ quan thông tấn báo chí, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, doanh nghiệp.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài để phát huy những kiến thức chuyên môn đã được trang bị, cung cấp trong quá trình học;

- Nghiên cứu nâng cao và chuyên sâu các vấn đề chuyên môn ở quy mô khu vực và quốc tế;

- Kết nối với mạng lưới nghiên cứu, giảng dạy quốc tế để trao đổi tri thức và giải quyết các vấn đề liên quan đến Nhật Bản.

- Triển khai, ứng dụng những kết quả nghiên cứu trong hoạt động nghiên cứu thực tế.

- Tham gia nghiên cứu và giảng dạy theo các chương trình Sau Tiến sĩ (Postdoc).

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **100** tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần trong CTĐT **12** tín chỉ
  + Bắt buộc: 4 tín chỉ
  + Tự chọn: 8/20 tín chỉ
- Phần 2: Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **8** tín chỉ
  + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
  + Tiểu luận tổng quan 2 tín chỉ
  + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Phần 4: Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Nghiên cứu sinh có bằng cử nhân loại giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp được phép dự tuyển.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **130** tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: **30** tín chỉ
  * Khối kiến thức chung 4 tín chỉ
  * Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 26 tín chỉ

+ Bắt buộc 6 tín chỉ

+ Tự chọn 20/44 tín chỉ

- Phần 2: Các học phần trong CTĐT **12** tín chỉ

+ Bắt buộc: 4 tín chỉ

+ Tự chọn: 8/20 tín chỉ

- Phần 3: Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **8** tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan 2 tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				LT(1)	*TH, TN, TL(2)*	*TT, NC, TH có KTĐG(3)*	
I	**CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT**		**12**				
I.1	**Các học phần bắt buộc**		**4**				
1	JPN8001	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận liên ngành và trường hợp *Japanese Studies: Interdisciplinary and Case study Approaches*	4	45	30	125	
I.2	**Các học phần tự chọn**		**8/20**				
2	JPN8002	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận nhân học *Japanese Studies: Anthopological Approach*	4	45	30	125	
3	JPN8003	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận xã hội học *Japanese Studies: Sociological Approach*	4	45	30	125	
4	JPN8004	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận sử học *Japanese Studies: Historical approach*	4	45	30	125	
5	JPN8005	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận kinh tế học-luật học *Japanese Studies: Economics and Laws Approaches*	4	45	30	125	
6	JPN8006	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận ngôn ngữ học-văn hoá học *Japanese Studies: Linguistics and Cultural Studies Approaches*	4	45	30	125	

II.	**CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ NCKH**		**8**				
II.1	**Chuyên đề tiến sĩ**		**6**				
7	JPN8007	Chuyên đề 1 *Special Topics 1*	2	0	30	70	
8	JPN8008	Chuyên đề 2 *Special Topics 2*	2	0	30	70	
9	JPN8009	Chuyên đề 3 *Special Topics 3*	2	0	30	70	
II.2	**Tiểu luận tổng quan**		**2**				
10	JPN8010	Tiểu luận tổng quan *Overview of Literature*	2	0	30	70	
	NCS thực hiện các nội dung chuyên môn liên quan đến tình tình nghiên cứu trong và ngoài nước, và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, nêu ra những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết						
II.3	**Nghiên cứu khoa học** NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của cán bộ nghiên cứu.						
III	**SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO** NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức. Tham gia trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn tối thiểu 02 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.						
IV	**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**						
11	JPN9001	Luận án tiến sĩ *Dissertation*	**80**			4000	
Tổng cộng			**100**				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				LT(1)	*TH, TN, TL(2)*	*TT, NC, TH có KTĐG(3)*	
I	**HỌC PHẦN BỔ SUNG**		**30**				
I.1	**Các học phần bắt buộc**		**10**				
1	PHI5002	Triết học *Philosophy*	4	60			
2	JPN6001	Phương pháp luận nghiên cứu Nhật Bản *Theories and Methodologies in Japanese Studies*	3	30	30	90	
3	JPN6002	Xử lý tư liệu nghiên cứu Nhật Bản *Analysis of Sources in Japanese Studies*	3	30	30	90	
I.2	**Các học phần tự chọn**		**20/44**				
4	JPN6003	Nhật Bản truyền thống	4	45	30	125	

		Traditional Japan					
5	JPN6004	Nhật Bản cận hiện đại *Modern Japan*	4	45	30	125	
6	JPN6005	Quan hệ Việt Nam-Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á *Vietnam-Japan's relationship in the context of East Asia*	4	45	30	125	
7	JPN6006	Các vấn đề ngoại giao-an ninh của Nhật Bản *Issues of Japanese diplomacy and security*	4	45	30	125	
8	JPN6007	Pháp luật và Chính trị Nhật Bản *Law and Politics of Japan*	4	45	30	125	
9	JPN6008	Các vấn đề kinh tế Nhật Bản *Issues of Japanese Economy*	4	45	30	125	
10	JPN6009	Tôn giáo trong xã hội Nhật Bản hiện đại *Religion in Modern Japanese Society*	4	45	30	125	
11	JPN6010	Giáo dục tiếng Nhật *Japanese Language Education*	4	45	30	125	
12	JPN6011	Các trường phái văn học Nhật Bản *Schools of Japanese Literature*	4	45	30	125	
13	JPN6012	Mỹ học và nghệ thuật Nhật Bản *Aesthetics and Arts of Japan*	4	45	30	125	
14	JPN6013	Văn hoá Nhật Bản đương đại *Contemporary Japanese Culture*	4	45	30	125	
II	**CÁC HỌC PHẦN TIẾN SĨ**		**12**				
II.1	**Các học phần bắt buộc**		**4**				
15	JPN8001	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận liên ngành và trường hợp *Japanese Studies: Interdisciplinary and Case study Approaches*	4	45	30	125	
II.2	**Các học phần tự chọn**		**8/20**				
16	JPN8002	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận nhân học *Japanese Studies: Anthopological Approach*	4	45	30	125	
17	JPN8003	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận xã hội học *Japanese Studies: Sociological Approach*	4	45	30	125	
18	JPN8004	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận sử học *Japanese Studies: Historical approach*	4	45	30	125	
19	JPN8005	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận kinh tế học-luật học *Japanese Studies: Economics and Laws Approaches*	4	45	30	125	
20	JPN8006	Nghiên cứu Nhật Bản: Tiếp cận ngôn ngữ học-văn hoá học *Japanese Studies: Linguistics and Cultural Studies Approaches*	4	45	30	125	

III	**CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ NCKH**		**8**				
III.1	**Chuyên đề tiến sĩ**		**6**				
21	JPN8007	Chuyên đề 1 *Special Topics 1*	2	0	30	70	
22	JPN8008	Chuyên đề 2 *Special Topics 2*	2	0	30	70	
23	JPN8009	Chuyên đề 3 *Special Topics 3*	2	0	30	70	
III.2	**Tiểu luận tổng quan**		**2**				
24	JPN8010	Tiểu luận tổng quan *Overview of Literature*	2	0	30	70	
	NCS thực hiện các nội dung chuyên môn liên quan đến tình tình nghiên cứu trong và ngoài nước, và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, nêu ra những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.						
III.3	**Nghiên cứu khoa học** NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của cán bộ nghiên cứu.						
IV	**SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO** NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức. Tham gia trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn tối thiểu 02 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.						
V	**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**						
25	JPN9001	Luận án tiến sĩ *Dissertation*	**80**			4000	
	Tổng cộng		**130**				

***Lưu ý**: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.*

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá.